

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 18-9-2019

quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thi Yến.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị L; địa chỉ: Số 10, ngõ 28, tổ dân phố Cát Bi 2,

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Phương H; địa chỉ: Số

2. *Bì đơn*: Anh Đỗ Văn L; địa chỉ: Số 95 đường T, tổ dân cư C 1, phường T,

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Đỗ Văn T; địa chỉ: Số 8, ngõ 28, tổ dân phố Cát Bi 2, phường Tràng

- Anh Đỗ Văn L; địa chỉ: Số 10, ngõ 28, tổ dân phố Cát Bi 2, phường Tràng

- Chị Đỗ Thị L; địa chỉ: Số 146, ngõ 245, tổ 16, cụm 4, Phường Khê, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Cháu Đỗ Thành L và cháu Đỗ Thành H; cùng địa chỉ: Số 6, ngõ 28, tổ dân phố Cát Bi 2, phường Tràng Cát, quận Hải An, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Đỗ Thành L: Ông Đỗ Văn T; địa chỉ: Số 8, ngõ X, tổ dân phố C, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng, theo Giấy ủy quyền ngày 19/3/2019 tại Văn phòng công chứng Toàn Cầu; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Đỗ Thành H, sinh ngày 20/5/2005: Bà Nguyễn Thị Nga; địa chỉ: Số 6, ngõ 28, tổ dân phố Cát Bi 2, phường Tràng Cát, quận Hải An, Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị L và anh Trần Phương Hoài là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị L trình bày:

Bà Lê Thị L và ông Đỗ Văn N là vợ chồng. Ông bà có 05 người con chung là anh Đỗ Văn L, anh Đỗ Văn T, anh Đỗ Văn L, anh Đỗ Văn N, chị Đỗ Thị L. Trong quá trình chung sống, bà L và ông N đã tích cóp để mua mảnh đất có diện tích khoảng 800 m² tại số 10, ngõ 28, tổ dân phố Cát Bi 2, phường Tràng Cát, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Đây là khối tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông bà. Khi ông N còn sống, bà L và ông N đã đồng ý chia cho 05 người con chung mỗi người được quyền sử dụng một mảnh đất, việc chia cho các con đã được ông N, bà L thực hiện hoàn tất và cũng đã làm xong thủ tục tách thửa và được UBND quận H, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên của mỗi người con chung theo quy định của pháp luật.

Sau khi chia cho các con, vợ chồng ông N bà L còn lại mảnh đất có diện tích 235,2 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 0941XX, sổ vào sổ cấp GCNQSDĐ CH000XX do Ủy ban nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng cấp ngày 04/02/2010 mang tên ông Đỗ Văn N và bà Lê Thị L.

Năm 2016, ông Đỗ Văn N chết, không để lại di chúc, các thừa kế theo pháp luật của ông N là bà L và 05 người con; ông bà không có con riêng, con nuôi; bố mẹ đẻ của ông N cũng đều đã chết, ông N không có bố mẹ nuôi. Do không thống nhất được về việc phân chia di sản giữa các thừa kế và anh Đỗ Văn L, nên bà L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia thừa kế di sản là quyền sử dụng đất của ông N theo quy định của pháp luật.

Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Đỗ Văn L trình bày:

Anh xác nhận diện tích đất 235,2 m² và các tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 0941XX, sổ vào sổ cấp GCNQSDĐ CH000XX do Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng cấp ngày 04/02/2010 mang tên ông Đỗ Văn N và bà Lê Thị L tại khu dân cư C, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng là tài sản chung của bố mẹ anh.

Bố mẹ anh có 05 người con là anh và các em Đỗ Văn L, Đỗ Thị L, Đỗ Văn N, Đỗ Văn T. Ông bà không có con riêng, con nuôi, ông bà nội để ra bố anh đều đã mất.

Năm 2016, bố anh mất không để lại di chúc, anh L xác nhận phần di sản bố anh để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích đất 235,2 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 0941xx, sổ vào sổ cấp GCNQSDĐ CH000xx do Ủy ban nhân dân quận H cấp ngày 04/02/2010 cho ông Đỗ Văn N và bà Lê Thị L và $\frac{1}{2}$ phần kiến thiết trên đất (nay chỉ còn phần móng nhà trên đất không còn giá trị sử dụng) có giá trị khoảng 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng : 2 = 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Nay mẹ anh yêu cầu Tòa án nhân dân quận Hải An chia phần di sản của bố anh để lại theo quy định của pháp luật anh đồng ý. Anh L đề nghị được nhận kỷ phần thừa kế của mình bằng hiện vật là quyền sử dụng đất và giá trị phần kiến thiết trên đất (nay chỉ còn phần móng nhà trên đất không còn giá trị sử dụng) cá nhân anh được hưởng theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn T, anh Đỗ Văn L, chị Đỗ Thị L (là con đẻ của bà Lê Thị L) có mặt tại phiên tòa trình bày:

Anh Đỗ Văn T, anh Đỗ Văn L, chị Đỗ Thị L xác nhận lời trình bày của bà Lê Thị L là đúng sự thật.

Năm 2016, bố đẻ anh L, anh T, chị L là ông Đỗ Văn N chết không để lại di chúc, nên phần di sản thừa kế để lại là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng thửa đất nói trên. Do vậy, anh Đỗ Văn T, anh Đỗ Văn L, chị Đỗ Thị L thống nhất giao phần di sản thừa kế của các anh chị được hưởng cho mẹ đẻ là bà L quản lý sử dụng và làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà.

Phần tài sản trên đất, trước đây có căn nhà cấp 4 hiện đã bị phá dỡ (năm 2017) chỉ còn lại móng nhà (không còn giá trị sử dụng). Về việc xử lý tài sản trên đất này, anh L, anh T, chị L thống nhất xác nhận giá trị tài sản trên đất của ông bà trước đây có giá trị là khoảng 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), nên các anh chị đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản phần tài sản trên đất là $\frac{1}{2}$ phần kiến thiết trên đất (nay chỉ còn phần móng nhà trên đất không còn giá trị sử dụng) có giá trị khoảng 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng : 2 = 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng theo quy định của pháp luật và giao giá trị tài sản này cho bà L quản lý sử dụng.

Ngoài ra, anh L, anh T, chị L thống nhất có ý kiến về kỷ phần thừa kế của anh Đỗ Văn L sẽ tính thành giá tiền và giao bà L thanh toán cho anh L theo đúng kỷ phần thừa kế mà anh L được hưởng, đồng thời đề nghị anh L giao kỷ phần quản

lý, sử dụng đối với diện tích đất lại cho mẹ đẻ là bà Lê Thị L để bà làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Đỗ Thành H là chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Văn T là người đại diện theo ủy quyền của cháu Đỗ Thành L có mặt tại phiên tòa thống nhất trình bày:

Chúng tôi là người đại diện hợp pháp cho cháu Đỗ Thành L, cháu Đỗ Thanh H (là con của anh Đỗ Văn N), năm 2014 anh N chết trước thời điểm ông Đỗ Văn N chết, nên các cháu L, Hải là người thừa kế thế vị của anh N được hưởng thừa kế tài sản của ông Đỗ Văn N (là bố đẻ của anh N) cùng có quan điểm thống nhất như quan điểm của các anh Đỗ Văn T, anh Đỗ Văn L, chị Đỗ Thị L giao phần di sản thừa kế được hưởng cho bà L (là bà nội của các cháu) để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thống nhất ký phần thừa kế của bác Đỗ Văn L sẽ tính thành giá tiền và thanh toán cho bác L theo đúng ký phần thừa kế mà bác Lưu được hưởng, đồng thời đề nghị bác L giao ký phần đối với diện tích đất được hưởng cho bà Lê Thị L.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi liên quan đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời phát biểu quan điểm về nội dung giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về việc chia di sản thừa kế và đề nghị quy đổi ký phần thừa kế của anh Đỗ Văn L thành tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1] Đây là vụ án dân sự tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn là bà Lê Thị L; bị đơn là anh Đỗ Văn L đang cư trú tại địa chỉ nêu trên được quy định tại khoản 5 Điều 26 BLTTDS năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015.

[2] Tại các giai đoạn tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị L, người có quyền lợi liên quan là các cháu Đỗ Thành L, cháu Đỗ Thanh H vắng mặt, nhưng đều đã có văn bản ủy quyền và người đại diện hợp pháp theo quy định của pháp luật có mặt tham gia. Trên cơ sở quan điểm của các đương sự và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là có đủ cơ sở.

- Về nội dung yêu cầu của đương sự:

[3] Năm 2016, ông Đỗ Văn N là người có tài sản chết không để lại di chúc, nên đây là thời điểm phát sinh quan hệ thừa kế tài sản được quy định tại Điều 611 BLDS năm 2015. Theo quy định tại Điều 623 BLDS năm 2015 được xác định thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Đỗ Văn N vẫn còn.

[4] Xét di sản là quyền sử dụng đất của ông Đỗ Văn N:

Bà Lê Thị L và ông Đỗ Văn N là vợ chồng và có diện tích đất 235,2 m² tại số 1N, ngõ X, tổ dân phố C, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 094145, số vào sổ cấp GCNQSDĐ CH00056 do Ủy ban nhân dân quận H cấp ngày 04/02/2010 cho ông Đỗ Văn N và bà Lê Thị L và phần kiến thiết trên đất (nay chỉ còn phần móng nhà trên đất không còn giá trị sử dụng). Tài sản này được xác định là sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 219 BLDS năm 2005 và Điều 612 BLDS năm 2015, nên di sản thừa kế là quyền sử dụng đất do ông Đỗ Văn N để lại được xác định là $\frac{1}{2}$ diện tích đất trên là 117,6 m² và $\frac{1}{2}$ phần kiến thiết trên đất (nay chỉ còn phần móng nhà trên đất không còn giá trị sử dụng) có giá trị khoảng 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng : 2 = 30.000.000 (ba mươi triệu). Phần diện tích 117,6 m² còn lại và $\frac{1}{2}$ giá trị phần kiến thiết trên đất (nay chỉ còn phần móng nhà trên đất không còn giá trị sử dụng) được xác định thuộc quyền sở hữu là bà Lê Thị L.

[5] Quan hệ thừa kế, hàng thừa kế:

Ông Đỗ Văn N chết năm 2016, không để lại di chúc nên theo quy định tại khoản 1 Điều 650 BLDS năm 2015, di sản thừa kế của ông N được phân chia theo quy định của pháp luật. Ông N có vợ là bà Lê Thị L và 05 người con chung là anh Đỗ Văn L, anh Đỗ Văn L, anh Đỗ Văn N, chị Đỗ Thị L, anh Đỗ Văn T và không có con riêng. Bố mẹ đẻ của ông N đều đã mất, ông N không có bố mẹ nuôi nào.

Xét hàng thừa kế thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 651 BLDS năm 2015 gồm bà Lê Thị L, anh Đỗ Văn L, anh Đỗ Văn N, anh Đỗ Văn N, chị Đỗ Thị Luyến, anh Đỗ Văn T. Anh Đỗ Văn N đã chết năm 2014 trước thời điểm ông N chết, nên cháu Đỗ Thành L và cháu Đỗ Thành H là con của anh Đỗ Văn N thừa kế thế vị theo quy định tại Điều 652 BLDS năm 2015.

[6] Phân chia di sản thừa kế:

Ngày 26/6/2019 UBND quận H, thành phố Hải Phòng cung cấp tài liệu thể hiện ông Đỗ Văn N và bà Lê Thị L là chủ sử dụng diện tích đất 235,2 m² tại số 1N, ngõ 2x, tổ dân phố C, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 0941XX, số vào sổ cấp GCNQSDĐ CH000XX do Ủy ban nhân dân quận H cấp ngày 04/02/2010. Nguồn gốc đất là của vợ chồng do hai ông bà tạo lập từ trước khi còn sống, ông bà đã tự nguyện chia cho các con một

phần diện tích. Như vậy, di sản thừa kế quyền sử dụng đất của ông N được xác định là $\frac{1}{2}$ diện tích đất trên là 117,6 m².

Tại phiên hòa giải ngày 18/8/2019, bị đơn đồng ý chia phần di sản của ông Đỗ Văn N để lại theo quy định của pháp luật và nhất trí với quan điểm của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giao lại toàn bộ kỷ phần thừa kế được hưởng cho bà L đứng tên quản lý sử dụng đối với diện tích đất 235,2 m² và đề nghị được nhận kỷ phần thừa kế của mình bằng tiền. Tuy nhiên, ông L từ chối không ký vào Biên bản hòa giải. Tại phiên tòa ông Đỗ Văn L yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế của mình bằng hiện vật là diện tích đất và giá trị phần kiến thiết trên đất (nay chỉ còn phần móng nhà trên đất không còn giá trị sử dụng) mà anh được hưởng theo quy định của pháp luật.

Các anh Đỗ Văn L, chị Đỗ Thị L, anh Đỗ Văn T và các cháu Đỗ Thành L, cháu Đỗ Thành H thống nhất giao lại toàn bộ diện tích đất và giá trị phần kiến thiết trên đất được hưởng thừa kế cho bà Lê Thị L quản lý sử dụng. Việc giao lại tài sản là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và cần thiết giao lại cho bà L quản lý, sử dụng và định đoạt.

Bà Lê Thị L đồng ý nhận toàn bộ kỷ phần thừa kế của các anh Đỗ Văn L, chị Đỗ Thị L, anh Đỗ Văn T và các cháu Đỗ Thành L, cháu Đỗ Thành H. Đồng thời có quan điểm đề nghị Tòa án giao kỷ phần diện tích đất của anh L được hưởng và bà có trách nhiệm thanh toán giá trị bằng tiền mặt cho anh L.

[7] Qua quá trình xác minh, tiến hành thẩm định và định giá tài sản, Tòa án xác định diện tích đất của ông bà không thay đổi. Trên đất của vợ chồng của hai ông bà trước đây có một căn nhà cấp 4 khoảng 60 m², theo bà L cùng các con căn nhà được xây dựng từ năm 1978, nay đã phá chỉ còn phần móng không còn giá trị sử dụng. Tuy nhiên anh L cho rằng giá trị căn nhà trước đây có giá trị là 60.000.000 đồng mặc dù hiện tại đã bị phá vỡ và anh đề nghị được chia phần giá trị này. Về phía bà L cùng các con là Đỗ Văn T, Đỗ Văn L, Đỗ Thị L và hai cháu Đỗ Thành L, cháu Đỗ Thành H thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản theo quy định của pháp luật và chấp thuận giá trị tài sản trên đất của ông bà trước đây có giá trị là khoảng 60.000.000 đồng theo quan điểm của anh L, nên Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận giá trị tài sản trên đất đã nêu là tài sản của ông N, bà L. Do vậy di sản thừa kế tài sản căn nhà trên đất của ông N được xác định là $\frac{1}{2}$ giá trị bằng tiền là 30.000.000 đồng.

[8] Căn cứ Biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân quận Hải An ngày 30/7/2019 thì giá trị quyền sử dụng đất là 3.900.000đ (Ba triệu chín trăm nghìn đồng)/ m². Như vậy, xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 651 BLDS năm 2015 kỷ phần mỗi người được hưởng $\frac{1}{6}$ di sản thừa kế quyền sử dụng đất và giá trị tài sản trên đất ông N để lại là: Diện tích đất 117,6 m² : 6 = 19,6 m² đất và (60.000.000 đồng : 2) : 6 = 5.000.000 đồng. Mỗi kỷ phần thừa kế quy đổi

thành tiền là: $(19.6 \text{ m}^2 \times 3.900.000 \text{ đồng}) + 5.000.000 \text{ đồng} = 81.440.000 \text{ đồng}$. Cụ thể:

+ Di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và giá trị tài sản trên đất bà Lê Thị L được hưởng quy đổi thành tiền là: $(19.6 \text{ m}^2 \times 3.900.000 \text{ đồng}) + 5.000.000 \text{ đồng} = 81.440.000 \text{ đồng}$.

+ Di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và giá trị tài sản trên đất anh Đỗ Văn L được hưởng quy đổi thành tiền là: $(19.6 \text{ m}^2 \times 3.900.000 \text{ đồng}) + 5.000.000 \text{ đồng} = 81.440.000 \text{ đồng}$.

+ Di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và giá trị tài sản trên đất Đỗ Văn Năng được hưởng quy đổi thành tiền là: $(19.6 \text{ m}^2 \times 3.900.000 \text{ đồng}) + 5.000.000 \text{ đồng} = 81.440.000 \text{ đồng}$.

+ Di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và giá trị tài sản trên đất chị Đỗ Thị L được hưởng quy đổi thành tiền là: $(19.6 \text{ m}^2 \times 3.900.000 \text{ đồng}) + 5.000.000 \text{ đồng} = 81.440.000 \text{ đồng}$.

+ Di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và giá trị tài sản trên đất anh Đỗ Văn T được hưởng quy đổi thành tiền là: $(19.6 \text{ m}^2 \times 3.900.000 \text{ đồng}) + 5.000.000 \text{ đồng} = 81.440.000 \text{ đồng}$.

+ Di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và giá trị tài sản trên đất cháu Đỗ Thành L, cháu Đỗ Thành H được hưởng quy đổi thành tiền là: $(19.6 \text{ m}^2 \times 3.900.000 \text{ đồng}) + 5.000.000 \text{ đồng} = 81.440.000 \text{ đồng}$.

Do thực tế hiện trạng thừa đất, quy định của pháp luật về đất đai đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tối thiểu tại địa phương, nên việc chia kỹ phần bằng hiện vật khó khăn cho việc thi hành án và tách thửa. Mặt khác, các con Đỗ Văn L, Đỗ Thị L, Đỗ Văn T và các cháu Đỗ Thành L, Đỗ Thành H đều thống nhất giao phần di sản thừa kế được hưởng cho bà L (là bà nội của các cháu) để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thống nhất kỹ phần thừa kế của anh Đỗ Văn L sẽ thanh toán bằng tiền cho anh L theo đúng kỹ phần thừa kế mà anh L được hưởng và đề nghị anh L giao kỹ phần quản lý, sử dụng đối với diện tích đất lại cho bà Lê Thị L, nên Hội đồng xét xử đánh giá, cân nhắc cần giao toàn bộ di sản là quyền sử dụng đất của ông N để lại cho bà L quản lý sử dụng và có trách nhiệm trả chênh lệch giá trị là $(19.6 \text{ m}^2 \times 3.900.000 \text{ đồng}) + 5.000.000 \text{ đồng} = 81.440.000 \text{ đồng}$ cho anh L là phù hợp thực tế hiện trạng sử dụng đất.

[9] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí đối với phần tài sản, di sản thừa kế được hưởng.

Miễn án phí cho bà Lê Thị L do bà là người cao tuổi và đã có đơn đề nghị miễn nộp án phí được Tòa án chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tổ tụng Dân sự 2015;
- Căn cứ các Điều 219 Bộ luật dân sự 2005;
- Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Căn cứ các Điều 611, Điều 612, Điều 623, Điều 650, Điều 651 và 652 Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L:

- Giao cho bà Lê Thị L quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích đất 235,2 m² thuộc thửa đất số 138, tờ bản đồ số 15 tại Khu dân cư C, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 0941XX, số vào sổ cấp GCNQSDĐ CH 000XX do Ủy ban nhân dân quận Hải An cấp ngày 04/02/2010 mang tên ông Đỗ Văn N và bà Lê Thị L (Trong đó bao gồm: ½ diện tích đất tương ứng với 117,6 m² thuộc quyền quản lý sử dụng của bà Lê Thị L; bà L được hưởng: Diện tích đất 117,6 m² : 6 = 19.6 m² đất, các anh Đỗ Văn L, anh Đỗ Văn T, anh Đỗ Văn L, chị Đỗ Thị L mỗi người được hưởng 19.6 m² đất; hai cháu Đỗ Thành L và cháu Đỗ Thành H cùng được hưởng 19.6 m² đất. Các anh chị Đỗ Văn L, Đỗ Văn T, Đỗ Văn L, Đỗ Thị L và hai cháu Đỗ Thành L, Đỗ Thành H thống nhất thỏa thuận giao toàn bộ quyền quản lý sử dụng kỹ phần thừa kế của mình cho bà Lê Thị L).

- Bà L được nhận toàn bộ giá trị phần phân tài sản trên đất của bà cùng giá trị phần phân tài sản trên đất của các con, cháu là 60.000.000 đồng (Trong đó giá trị mỗi kỹ phần là: (60.000.000 đồng : 2) : 6 = 5.000.000 đồng).

- Bà Lê Thị L có trách nhiệm trả cho anh Đỗ Văn L số tiền 81.440.000 đồng là giá trị tương ứng với kỹ phần thừa kế quyền sử dụng đất và giá trị phần tài sản trên đất của anh L được hưởng.

2. Bà Lê Thị L và các anh Đỗ Văn L, Đỗ Văn T, Đỗ Văn L, chị Đỗ Thị L và hai cháu Đỗ Thành L, Đỗ Thành H có trách nhiệm hoàn tất các trình tự, thủ tục đăng ký quyền sử dụng diện tích đất trên theo quy định pháp luật tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

3. Về án phí

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị L.

- Các anh Đỗ Văn L, Đỗ Văn T, Đỗ Văn L, chị Đỗ Thị L mỗi người phải nộp số tiền 4.072.000 đồng (Bốn triệu không trăm bảy mươi hai nghìn) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Cháu Đỗ Thành L, chị Nguyễn Thị N cùng phải nộp số tiền 4.072.000 đồng (Bốn triệu không trăm bảy mươi hai nghìn) tiền án phí dân sự sơ thẩm

4. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị L, anh Đỗ Văn L, anh Đỗ Văn L, anh Đỗ Văn T, chị Đỗ Thị L, cháu Đỗ Thành L, cháu Đỗ Thành H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- TAND TP. Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Tràng cát;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đức Hoàng

